| ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|---|---|
| Số: 624/HD-UBTVQH14 | *Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2020* |

VĂN PHÒNG HĐND T. ĐIỆN BIÊN
ĐẾN Số: 4566
Ngày: 23/11
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

# HƯỚNG DẪN

**Về việc tổng kết nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021**

Thực hiện khoản 1, Điều 55[1] của Luật Tổ chức Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn tổ chức việc tổng kết hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

*Mục đích*: Tổng kết tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, đề ra phương hướng, nhiệm vụ và những giải pháp tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ và nhiệm kỳ tới.

*Yêu cầu:* Việc tổng kết cần được tiến hành nghiêm túc ở cả 3 cấp, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.

## II. NỘI DUNG TỔNG KẾT

Tổng kết, đánh giá toàn diện tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật và thực tế triển khai tại địa phương:

1. Về tổ chức của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Về thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương và chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân thông qua các hoạt động tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, hoạt động thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân; hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, theo dõi, đôn đốc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân.

---

[1] Điều 55: Ủy ban thường vụ Quốc hội giám sát, hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân

3. Về các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân (bộ máy giúp việc, kinh phí hoạt động, cơ sở vật chất, mối liên hệ công tác....)

4. Đánh giá kết quả việc thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các luật khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân.

5. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật và cơ chế hoạt động của Hội đồng nhân dân đảm bảo hiệu quả.

*(Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Đề cương báo cáo và phụ lục kèm theo để Thường trực Hội đồng nhân dân xây dựng các nội dung trên).*

**III. CƠ QUAN, THỜI GIAN, HÌNH THỨC TỔNG KẾT**

**1. Cơ quan:**

- Ở Trung ương: Ban Công tác đại biểu xây dựng báo cáo tổng kết tình hình tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

- Ở địa phương: Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp xây dựng báo cáo của địa phương gửi Thường trực Hội đồng nhân dân cấp trên. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xây dựng báo cáo tổng kết tình hình tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân các cấp tại địa phương gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**2. Thời gian:**

- Ở Trung ương: Trong tháng 02/2021

- Ở địa phương: Sau khi kết thúc kỳ họp cuối năm 2020 của Hội đồng nhân dân các cấp, căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định việc tiến hành tổng kết tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại địa phương mình.

**3. Hình thức tổng kết:**

- Ở Trung ương: Việc tổng kết thông qua báo cáo bằng văn bản.

- Ở địa phương: Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Hội đồng nhân dân các cấp quyết định tổ chức Hội nghị tổng kết hoặc thông qua báo cáo.

**IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

Trên sơ sở Hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai tới Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã để tổ chức tổng kết công tác Hội đồng nhân dân

nhiệm kỳ 2016-2021. Đồng thời tổng hợp và xây dựng báo cáo tổng kết tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 tại địa phương gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thời gian gửi báo cáo về Ủy ban Thường vụ Quốc hội ***(qua Ban Công tác đại biểu)*** **trước ngày 15 tháng 01 năm 2021[2].**

*

* *

Trên đây là hướng dẫn về việc tổng kết tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021. Đề nghị Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện và hướng dẫn Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kịp thời báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội để thống nhất chỉ đạo, hướng dẫn.

***Nơi nhận:***
- Thường trực HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để tổ chức thực hiện);
- Chủ tịch Quốc hội (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch Quốc hội;
- Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Tổng thư ký Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- VP Chính phủ, Bộ Nội vụ;
- Lưu HC, CTĐB.

e: 86753

**TM. UỶ BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Uông Chu Lưu**

[2] Các địa phương nào nhận file bảng biểu, đề cương báo cáo xin liên hệ điện thoại: 08048567, FAX: 080.46214. Địa chỉ Email: lanht@quochoi.vn; sonnh@quochoi.vn hoặc download từ website: http://www.ttbd.gov.vn).

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT**

**Tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của Hội đồng nhân dân thời gian tới**

*(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 04/HD-UBTVQH14 ngày 18/11/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)*

---

***Phần thứ nhất***

**Tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021**

**I. Khái quát đặc điểm tình hình của địa phương.**

**II. Tổ chức của Hội đồng nhân dân các cấp**

- Số lượng, cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân đầu nhiệm kỳ *(tỷ lệ nữ, dân tộc.... (có so sánh với nhiệm kỳ trước));*

- Số lượng, lý do đại biểu Hội đồng nhân dân biến động trong nhiệm kỳ?

- Số lượng đại biểu chuyên trách:

+ Thường trực Hội đồng nhân dân:

+ Các Ban của Hội đồng nhân dân:

- Số lượng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Các tổ chức nội bộ khác (như nhóm nữ đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có)).

*(Đánh giá việc bố trí nhân sự làm đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách ở địa phương có tác động thế nào đến hiệu quả lãnh đạo, điều hành hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân)*

**III. Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân**

Nêu rõ các kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ cụ thể:

**1. Công tác chuẩn bị và tổ chức kỳ họp của Hội đồng nhân dân**

- Việc tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp (kỳ họp thường kỳ, kỳ họp giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp thường kỳ): Công tác

chuẩn bị kỳ họp, Chủ tọa kỳ họp, thời gian họp, những đổi mới trong tổ chức kỳ họp……

- Vai trò của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan khác tham gia xây dựng dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án, Tờ trình, tài liệu trình tại kỳ họp;

- Về hoạt động thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân, quy trình thẩm tra, việc đóng góp ý kiến của thành viên của Ban, công tác phối hợp thẩm tra giữa các Ban, chất lượng của báo cáo thẩm tra;

- Vai trò và chất lượng hoạt động của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân;

- Về công tác tuyên truyền trước, trong và sau kỳ họp.

**2. Quyết định các vấn đề quan trọng ở địa phương**

- Việc thực hiện quy trình, thủ tục, thẩm quyền ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; tính khả thi, hiệu quả của các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tác động đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh – quốc phòng tại địa phương.

- Việc quyết định về tổ chức bộ máy nhà nước, biên chế, nhân sự thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân các cấp, việc quyết định chủ trương thành lập, giải thể, nhập chia, điều chỉnh địa giới hành chính (nếu có).

- Số lượng nghị quyết đã ban hành (thống kê theo lĩnh vực);

- Vai trò của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân và các cơ quan hữu quan trong việc triển khai tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

**3. Thực hiện chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân**

- Giám sát tại kỳ họp Hội đồng nhân dân

+ Xem xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;

+ Tình hình, hiệu quả của hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn;

+ Tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết số 85/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội *"Về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn"* của Hội đồng nhân dân các cấp (tại kỳ họp cuối năm 2018).

- Giám sát giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân

+ Số lượng, chất lượng hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, hoạt động giám sát của hai Ban Hội đồng nhân dân cấp xã.

+ Các hình thức giám sát;

+ Nội dung và kết quả giám sát, tái giám sát; đôn đốc thực hiện các thông báo, kết luận sau giám sát;

- Việc tham gia, phối hợp của các cơ quan, tổ chức của địa phương trong hoạt động giám sát tại địa phương;

- Phối hợp với Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội trong hoạt động giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan này tại địa phương;

- Hoạt động giám sát bằng hình thức chất vấn, giải trình tại các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân (điểm mới trong thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương).

*(Đánh giá kết quả hoạt động giám sát theo Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, trong đó lưu ý hoạt động giám sát bằng hình thức chất vấn, giải trình tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, hoạt động giám sát của Ban Hội đồng nhân dân cấp xã).*

**4. Hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và đôn đốc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân**

- Số cuộc tiếp xúc cử tri, số lượng cử tri tham dự/buổi tiếp xúc cử tri; số lượng ý kiến cử tri; tỷ lệ các ý kiến kiến nghị của cử tri được giải quyết;

- Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu là lãnh đạo chủ chốt của địa phương tham gia tiếp xúc cử tri;

- Việc đổi mới hình thức tiếp xúc cử tri, việc tổ chức tiếp xúc cử tri 3 cấp, áp dụng công nghệ thông tin trong tiếp xúc cử tri.

- Số cuộc tiếp công dân, việc thực hiện quy định lãnh đạo chủ chốt tham gia tiếp công dân;

- Số lượng đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi đến; kết quả xử lý; kết quả đôn đốc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân và số lượng đơn thư tồn đọng hàng năm;

- Vai trò của Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân với các cơ quan nhà nước khác ở địa phương trong công tác phối hợp tiếp xúc cử tri, tiếp công dân.

**5. Mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân các cấp với các cơ quan, tổ chức hữu quan**

- Mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân với các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu nhân dân.

- Giữa Hội đồng nhân dân với cấp ủy Đảng;

- Giữa Hội đồng nhân dân với Ủy ban nhân dân;

- Giữa Hội đồng nhân dân với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội;

- Giữa Hội đồng nhân dân các cấp; hiệu quả hoạt động giao ban của Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp;

- Giữa Hội đồng nhân dân với Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;

- Giữa Hội đồng nhân dân cấp tỉnh với Đoàn đại biểu Quốc hội, với các cơ quan của Quốc hội, các Ban của Ủy ban thường vụ Quốc hội và với Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố khác.

**6. Các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của** Hội đồng nhân dân

- Việc cung cấp thông tin và thực hiện các chế độ, chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Về tổ chức bộ máy, cơ quan tham mưu giúp việc (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã);

- Cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã).

*(Bổ sung thêm nội dung đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong quá trình thực hiện và những đề xuất, kiến nghị đối với 12 địa phương thực hiện Nghị quyết 580/2018/UBTVQH14 ngày 04/10/2018 về việc thí điểm hợp nhất Văn phòng Đoàn ĐBQH, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)*

- Về hoạt động đối ngoại của Hội đồng nhân dân các cấp

- Các hoạt động bồi dưỡng nâng cao kỹ năng của đại biểu Hội đồng nhân dân

**IV. Đánh giá chung về hoạt động của** Hội đồng nhân dân **các cấp**

**1. Kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế**

- Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;
- Đối với Hội đồng nhân dân cấp huyện,;
- Đối với Hội đồng nhân dân cấp xã.

**2. Nguyên nhân của những ưu điểm và hạn chế**

- Nguyên nhân khách quan;
- Nguyên nhân chủ quan.

**3. Một số bài học kinh nghiệm**

**4. Đề xuất, kiến nghị**

Trên cơ sở các quy định hiện nay, Hội đồng nhân dân các địa phương đề xuất những kiến nghị với các cơ quan:

- Kiến nghị đối với Đảng;
- Kiến nghị với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội (trong đó có kiến nghị trong công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026)
- Kiến nghị với Chính phủ;
- Kiến nghị với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Kiến nghị khác.

## *Phần thứ hai*

## Nhiệm vụ trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016-2021 và một số giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân trong nhiệm kỳ 2021-2026

**I. Nhiệm vụ trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016-2021.**

**II. Phương hướng giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân trong nhiệm kỳ 2021-2026.**

HĐND TỈNH (THÀNH PHỐ).....

**THỐNG KÊ VỀ SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2016-2021**

*(Tính đến ngày 01/10/2020)*

**Mẫu số 01**

| Cấp HĐND | Tổng số đại biểu | | | | | Cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân | | | | | | | Trình độ đại biểu Hội đồng nhân dân | | | | | | | Độ tuổi | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | | Văn hóa - chuyên môn | | | | Chính trị | | | | | | |
| | Đầu nhiệm kỳ | Bãi nhiệm mất quyền đại biểu | Cho thôi nhiệm vụ | Từ trần | Bầu bổ sung | Tổng hiện nay | Nữ | Ngoài Đảng | Tôn giáo | Dân tộc ít người | Tự ứng cử | Tái cử | Giáo dục phổ thông | Tr. Cấp-C. đẳng | Đại học | Trên đại học | Sơ cấp | Trung cấp | Cử nhân - Cao cấp | Dưới 35 | Từ 35 - 50 | Từ 50 -60 | Trên 60 |
| Tỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Huyện | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

**HĐND TỈNH (THÀNH PHỐ...)**

**Mẫu số 02**

# THỐNG KÊ CƠ CẤU THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH
## NHIỆM KỲ 2016-2021

*(Tính đến ngày 01/10/2020)*

| Chức danh | Đầu nhiệm kỳ | | | | | | | | | | | | Diễn biến thay đổi | | | Hiện nay | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | UV TWĐ | Bí thư | Phó Bí thư | UVTV | Cấp ủy viên | Chuyên trách | Trình độ chuyên môn | | | | | Miễn nhiệm | Bãi nhiệm | Từ trần | Lý do khác | UV TWĐ | Bí thư | Phó Bí thư | UVTV | Cấp ủy viên | Chuyên trách | Trình độ chuyên môn | | | | |
| | | | | | | | Trung cấp | Cao đẳng | Đại học | Thạc sĩ | Tiến sĩ | | | | | | | | | | | Trung cấp | Cao đẳng | Đại học | Thạc sĩ | Tiến sĩ |
| Chủ tịch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| P.Chủ tịch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| UVTT | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

**HĐND TỈNH (THÀNH PHỐ)....**

**THỐNG KÊ CƠ CẤU THƯỜNG TRỰC HĐND CẤP HUYỆN NHIỆM KỲ 2016-2021**

*(Tính đến ngày 01/10/2020)*

**Mẫu số 03**

| Chức danh | Đầu nhiệm kỳ | | | | | | | | | | Diễn biến thay đổi | | | | Hiện nay | | | | | | | | | | Tổng số ĐVHC cấp huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Bí thư | Phó Bí thư | UVTV | Cấp ủy viên | Chuyên trách | Trình độ chuyên môn | | | | | Miễn nhiệm | Bãi nhiệm | Từ trần | Lý do khác | Bí thư | Phó Bí thư | UVTV | Cấp ủy viên | Chuyên trách | Trình độ chuyên môn | | | | | |
| | | | | | | Trung cấp | Cao đẳng | Đại học | Thạc sĩ | Tiến sĩ | | | | | | | | | | Trung cấp | Cao đẳng | Đại học | Thạc sĩ | Tiến sĩ | |
| Chủ tịch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| P.Chủ tịch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| UVTT | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

HĐND TỈNH (THÀNH PHỐ)....

**THỐNG KÊ CƠ CẤU THƯỜNG TRỰC HĐND CẤP XÃ NHIỆM KỲ 2016-2021**

*(Tính đến ngày 01/10/2020)*

**Mẫu số 04**

| Chức danh | Đầu nhiệm kỳ | | | | | | | | | | Diễn biến thay đổi | | | | Hiện nay | | | | | | | | | | Tổng số ĐVHC cấp xã |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Bí thư | Phó Bí thư | UVTV | Cấp ủy viên | Chuyên trách | Trình độ chuyên môn | | | | | Miễn nhiệm | Bãi nhiệm | Từ trần | Lý do khác | Bí thư | Phó Bí thư | UVTV | Cấp ủy viên | Chuyên trách | Trình độ chuyên môn | | | | | |
| | | | | | | Trung cấp | Cao đẳng | Đại học | Thạc sĩ | Tiến sĩ | | | | | | | | | | Trung cấp | Cao đẳng | Đại học | Thạc sĩ | Tiến sĩ | |
| Chủ tịch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| P. Chủ tịch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

HĐND TỈNH (THÀNH PHỐ)....

**THỐNG KÊ CƠ CẤU BAN CỦA HĐND CẤP TỈNH NHIỆM KỲ 2016-2021**

*(Tính đến ngày 01/10/2020)*

**Mẫu số 05**

| Cơ cấu / Ban của HĐND | Đầu nhiệm kỳ | | | | | | Diễn biến thay đổi | | | | Hiện nay | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tổng số thành viên | UV TV | Cấp ủy viên | Không là cấp ủy | Chuyên trách | Không chuyên trách | Miễn nhiệm | Bãi nhiệm | Từ trần | Lý do khác | Tổng số thành viên | UVTV | Cấp ủy viên | Không là cấp ủy | Chuyên trách | Không chuyên trách | |
| **Ban KT-NS** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ủy viên | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Ban Pháp chế** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ủy viên | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Ban VH-XH** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ủy viên | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Ban Dân tộc (nếu có)** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ủy viên | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Ban Đô thị (TP trực thuộc TW)** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ủy viên | | | | | | | | | | | | | | | | | |

**HĐND TỈNH (THÀNH PHỐ)....**

**THỐNG KÊ CƠ CẤU BAN CỦA HĐND CẤP HUYỆN NHIỆM KỲ 2016-2021**

*(Tính đến ngày 01/10/2020)*

**Mẫu số 06**

| Cơ cấu / Ban của HĐND | Đầu nhiệm kỳ | | | | | | Diễn biến thay đổi | | | | Hiện nay | | | | | | Tổng số ĐVHC cấp huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tổng số thành viên | UVTV | Cấp ủy viên | Không là cấp ủy | Chuyên trách | Không chuyên trách | Miễn nhiệm | Bãi nhiệm | Từ trần | Lý do khác | Tổng số thành viên | UV TV | Cấp ủy viên | Không là cấp ủy | Chuyên trách | Không chuyên trách | |
| **Ban KT - XH** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ủy viên | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Ban Pháp chế** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ủy viên | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Ban Dân tộc (nếu có)** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ủy viên | | | | | | | | | | | | | | | | | |

HĐND TỈNH (THÀNH PHỐ)....

**THỐNG KÊ CƠ CẤU BAN CỦA HĐND CẤP XÃ NHIỆM KỲ 2016-2021**

*(Tính đến ngày 01/10/2020)*

**Mẫu số 07**

| Cơ cấu / Ban của HĐND | Đầu nhiệm kỳ | | | | | | Diễn biến thay đổi | | | | Hiện nay | | | | | | Tổng số ĐVHC cấp xã |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tổng số thành viên | UV TV | Cấp ủy viên | Không là cấp ủy | Chuyên trách | Không chuyên trách | Miễn nhiệm | Bãi nhiệm | Từ trần | Chuyển công tác | Tổng số thành viên | UV TV | Cấp ủy viên | Không là cấp ủy | Chuyên trách | Không chuyên trách | |
| **Ban KT - XH** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ủy viên | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Ban Pháp chế** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó Trưởng ban | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ủy viên | | | | | | | | | | | | | | | | | |

HĐND TỈNH
(THÀNH PHỐ).....

# THỐNG KÊ KỲ HỌP HĐND CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2016-2021

*(Tính đến ngày 01/10/2020)*

**Mẫu số 08**

| Thống kê / Cơ cấu | Đầu nhiệm kỳ đến nay | | | Số nghị quyết ban hành, số chất vấn tại kỳ họp | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Số ĐVHC |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | 2016 | | | | | 2017 | | | | | 2018 | | | | | 2019 | | | | | 2020 | | | | |
| | | | | | NQ cá biệt | | Chất vấn | | | NQ cá biệt | | Chất vấn | | | NQ cá biệt | | Chất vấn | | | NQ cá biệt | | Chất vấn | | | NQ cá biệt | | Chất vấn | |
| | KH thường lệ | Kỳ họp không thường kỳ | Tổng số | NQ quy phạm pháp luật | NQ về tổ chức, nhân sự | NQ khác | Nghị quyết về chất vấn | Số chất vấn | NQ quy phạm pháp luật | NQ về tổ chức, nhân sự | NQ khác | Số chất vấn | Nghị quyết về chất vấn | NQ quy phạm pháp luật | NQ về tổ chức, nhân sự | NQ khác | Số chất vấn | Nghị quyết về chất vấn | NQ quy phạm pháp luật | NQ về tổ chức, nhân sự | NQ khác | Số chất vấn | Nghị quyết về chất vấn | NQ quy phạm pháp luật | NQ về tổ chức, nhân sự | NQ khác | Số chất vấn | Nghị quyết về chất vấn | |
| Tỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Huyện | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

**HĐND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

# THỐNG KÊ CÁC ĐOÀN GIÁM SÁT CỦA HĐND CÁC CẤP
## NHIỆM KỲ 2016-2021
*(Tính đến ngày 01/10/2020)*

**Mẫu số 09**

| Hoạt động giám sát HĐND | Số đoàn giám sát | | | | | | Tổng số kiến nghị của đoàn giám sát | | | | | | Số kiến nghị được giải quyết | | | | | | | | | | Số ĐVHC |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | | 2016 | | 2017 | | 2018 | | 2019 | | 2020 | | |
| | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | Tổng cộng | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | Tổng cộng | Tổng số | Tỉ lệ (%) | Tổng số | Tỉ lệ (%) | Tổng số | Tỉ lệ (%) | Tổng số | Tỉ lệ (%) | Tổng số | Tỉ lệ (%) | |
| **Cấp tỉnh** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| T.T HĐND | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| BanVH - XH | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ban KT - NS | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ban Pháp chế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ban Dân tộc (nếu có) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ban Đô thị (Tại TP trực thuộc TW) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| TT HĐND và các Ban | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổ đại biểu HĐND | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Cấp huyện** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Thường trực HĐND | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ban KT - XH | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ban Pháp chế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ban Dân tộc (nếu có) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| TT HĐND và các Ban | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổ đại biểu HĐND | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Cấp xã** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Thường trực HĐND | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ban KT - XH | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ban Pháp chế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

**HĐND TỈNH (THÀNH PHỐ)...**

**Mẫu số 10**

# THỐNG KÊ VỀ HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC CỬ TRI CỦA HĐND CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2016-2021

*(Tính đến ngày 01/10/2020)*

| Cấp HĐND | Tỷ lệ đại biểu tiếp xúc cử tri | | | | | Tổng số kiến nghị và tỷ lệ kiến nghị được giải quyết | | | | | | | | | | Số ĐVHC |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | *2016* | | *2017* | | *2018* | | *2019* | | *2020* | | |
| | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | Tổng số kiến nghị | Tỷ lệ (%) giải quyết | Tổng số kiến nghị | Tỷ lệ (%) giải quyết | Tổng số kiến nghị | Tỷ lệ(%) giải quyết | Tổng số kiến nghị | Tỷ lệ (%) giải quyết | Tổng số kiến nghị | Tỷ lệ (%) giải quyết | |
| Tỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Huyện | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Xã | | | | | | | | | | | | | | | | |

HĐND TỈNH (THÀNH PHỐ)...

**THỐNG KÊ VỀ KẾT QỦA LẤY PHIẾU TÍN NHIỆM TẠI KỲ HỌP CUỐI NĂM 2018 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 85/2014/UBTVQH13**

Mẫu số 11

| Cấp HĐND | Tổng số người được lấy phiếu tín nhiệm | Số người có trên 50% tổng số đại biểu đánh giá tín nhiệm cao | | Số người có trên 50% tổng số đại biểu đánh giá tín nhiệm | | Số người có trên 50% tổng số đại biểu đánh giá tín nhiệm thấp | | Số ĐVHC | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tỉnh | | | | | | | | | |
| Huyện | | | | | | | | | |
| Xã | | | | | | | | | |

**HĐND TỈNH (THÀNH PHỐ)...**

**THỐNG KÊ VỀ HOẠT ĐỘNG TIẾP CÔNG DÂN CỦA HĐND CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2016-2021**

*(Tính đến ngày 01/10/2020)*

**Mẫu số 12**

| Cấp HĐND | Tỷ lệ đại biểu HĐND tiếp công dân (%) | | | | | Số lượng người khiếu nại, tố cáo | | | | | Tổng số kiến nghị và tỷ lệ kiến nghị được giải quyết | | | | | | | | | | Số ĐVHC |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | *2016* | | *2017* | | *2018* | | *2019* | | *2020* | | |
| | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | Tổng số kiến nghị | Tỷ lệ (%) giải quyết | Tổng số kiến nghị | Tỷ lệ (%) giải quyết | Tổng số kiến nghị | Tỷ lệ (%) giải quyết | Tổng số kiến nghị | Tỷ lệ(%) giải quyết | Tổng số kiến nghị | Tỷ lệ (%)giải quyết | |
| Tỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Huyện | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

HĐND TỈNH
(THÀNH PHỐ).....

**Mẫu số 13**

# THỐNG KÊ PHIÊN HỌP CỦA THƯỜNG TRỰC HĐND CÁC CẤP
## NHIỆM KỲ 2016-2021

*(Tính đến ngày 01/10/2020)*

| Cấp HĐND | Đầu nhiệm kỳ đến nay | | | | | Hoạt động giải trình, số chất vấn tại phiên họp | | | | | | | | | | Số ĐVHC |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | 2016 | | 2017 | | 2018 | | 2019 | | 2020 | | |
| | Phiên họp định kỳ | Phiên họp đột xuất | Tổng số phiên họp | Phiên họp có hoạt động chất vấn | Phiên họp có hoạt động giải trình | Số cơ quan giải trình | Số người trả lời chất vấn | Số cơ quan giải trình | Số người trả lời chất vấn | Số cơ quan giải trình | Số người trả lời chất vấn | Số cơ quan giải trình | Số người trả lời chất vấn | Số cơ quan giải trình | Số người trả lời chất vấn | |
| Tỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Huyện | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Xã | | | | | | | | | | | | | | | | |